TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-7-2018
V/v: *ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Quốc Thống

Ông Nguyễn Hải Hưng

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Dương Thị Lụa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2018/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 75/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Lư Cẩm T, sinh năm 1990

Địa chỉ cư trú: ấp 6, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* anh Trịnh Văn B, sinh năm 1986

Địa chỉ cư trú: 9, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn xin ly hôn đề ngày 07 tháng 3 năm 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lư Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: chị T và anh B tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội, huyện U Minh. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra bất đồng với nhau về quan điểm, dẫn

đến cự cãi, anh B thường hay chưởi mắng vợ con, hiện tại chị và anh B đã ly thân nhau. Chị T nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: chị T và anh B có 02 người con chung tên Trịnh Thị Bích T, sinh ngày 06/7/2012, do anh B nuôi dưỡng và Trịnh Ngọc Y, sinh ngày 06/3/2017, do chị T nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu sau khi ly hôn chị được tiếp tục nuôi cháu Y, anh B nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: chị Lư Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đối với anh Trịnh Văn B, địa chỉ cư trú ấp 9, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, theo khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Trịnh Văn B được thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh B vắng mặt, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được và mở phiên tòa xét xử sơ thẩm triệu tập anh B tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị Lư Cẩm T và anh Trịnh Văn B tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh B là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân nhau. Chị T yêu cầu ly hôn với anh Bé, anh B được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh B vắng mặt và cũng không có ý kiến gì đến yêu cầu của chị T. Từ đó, cho thấy tình cảm giữa chị T với anh B không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị T và anh B ly hôn.

[3] Về con chung: cháu Trịnh Thị Bích T chị T yêu cầu tiếp tục giao cho anh Bnuôi dưỡng. Cháu Trịnh Ngọc Y chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, xét thấy yêu cầu của chị T là có căn cứ, bởi vì hiện tại từ khi chị T và anh B ly thân cháu T do anh Bnuôi dưỡng, cháu Y do chị T nuôi dưỡng. Mặt khác anh B cũng không có ý kiến gì nên tiếp tục giao cháu T cho anh B nuôi dưỡng và tiếp

tục giao cháu Y cho chị T nuôi dưỡng là đảm cho các cháu có điều kiện phát triển bình thường, ổn định tâm lý và tình cảm. Anh Bé, chị T có quyền thăm nom cháu T, cháu Y không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lư Cẩm T không yêu cầu, anh Trịnh Văn B cũng không có ý kiến gì nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: chị Lư Cẩm T không yêu cầu, anh Trịnh Văn B cũng không có ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: chị Lư Cẩm T xác định không có, anh Trịnh Văn B cũng không có ý kiến gì nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và đình sơ thẩm chị Lư Cẩm T phải chịu 300.000 đồng, chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 960.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011846 ngày 07/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu, chị T được nhận lại 660.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật; anh Trịnh Văn B không phải chịu án phí. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lư Cẩm T với anh Trịnh Văn B.

- Về con chung: giao cháu Trịnh Thị Bích T, sinh ngày 06/7/2012 cho anh Trịnh Văn B tiếp tục nuôi dưỡng. Giao cháu Trịnh Ngọc Y, sinh ngày 06/3/2017 cho chị Lư Cẩm T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Lư Cẩm T và anh Trịnh Văn B có quyền thăm nom cháu Trịnh Thị Bích T và cháu Trịnh Ngọc Y không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét.

- Về tài sản chung: không xem xét.

- Về nợ chung: không xem xét.

- Về án phí: án phí hôn nhân và đình sơ thẩm chị Lư Cẩm T phải chịu 300.000 đồng, chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 960.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011846 ngày 07/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu, chị T được nhận lại 660.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh Trịnh Văn B không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Phòng GĐ-KTNV TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- UBND xã Khánh Hội, huyện U Minh (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
-Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Thanh Nguyễn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn

<u>Nơi nhận</u>:
- Phòng GĐ-KT TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA